

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH
Dự thảo Quyết định Phân cấp trong quản lý nhà nước đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này Quy định nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Luật, Nghị định của Chính phủ.	Dự thảo Quyết định căn cứ vào các Nghị định của Chính phủ cụ thể hóa quy định phân cấp thẩm quyền quản lý một số nhiệm vụ về quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong cách	Căn cứ các lĩnh vực được phân cấp quy định tại dự thảo Quyết định. Sở Xây dựng đã xác định các đối tượng áp dụng, cụ thể:

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
	lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong cách lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
	Điều 3. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý kiến trúc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:	
Quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP; điểm a khoản 2 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị (Nghị định số 85/2020/NĐ-CP) 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.	1. Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.	Nội dung của dự thảo quyết định tại khoản này quy định thẩm quyền lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP phân định thẩm quyền của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã sau khi tổ chức chính quyền 02 cấp.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
2. Lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị: a) Cơ quan lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát, đánh giá hồ sơ tư liệu công trình kiến trúc để lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Điều 17. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý kiến trúc (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 2. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong tổ chức lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;		Mặt khác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định thì UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.
Quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP; điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể:	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc (bao gồm quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn).	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định phân cấp việc lập quy chế quản lý kiến trúc (đô thị và điểm dân cư

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
Điều 8. Lập quy chế quản lý kiến trúc (Nghị định số 85/2020/NĐ-CP) 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy chế quản lý kiến trúc. Điều 17. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý kiến trúc (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 3. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong lập quy chế quản lý kiến trúc a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về lập quy chế quản lý kiến trúc theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;		nông thôn) cho UBND cấp xã thực hiện. Theo Quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện tổ chức lập. Theo điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP thì trách nhiệm lập quy chế quản lý kiến trúc của UBND cấp huyện do UBND cấp xã thực hiện.
Quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP; điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 9. Thẩm định, phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc (Nghị định số 85/2020/NĐ-CP) 5. Đối với quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành.	3. Phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn đối với các điểm dân cư nông thôn.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định phân cấp cho UBND cấp xã phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn. Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định đối với quy chế quản

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
Điều 17. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý kiến trúc (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 4. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;		lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn UBND cấp tỉnh có thể phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt, ban hành. Theo điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 140/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND huyện về phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn cho UBND cấp xã thực hiện.
	Điều 4. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý phát triển đô thị Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:	
Quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 4. Đất dành cho đầu tư phát triển đô thị (Nghị định số 11/2013/NĐ-CP) 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp, có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ	1. Tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định về việc phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện hướng dẫn chủ đầu tư trong thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Điều 18. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý phát triển đô thị (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trách nhiệm bên tiếp nhận bàn giao quy định tại khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.		đất đai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP quy định nội dung này là trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện theo phân cấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện về tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai do UBND cấp xã thực hiện.
Quy định tại khoản 4, điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 38. Bàn giao quản lý trong khu đô thị (Nghị định số 11/2013/NĐ-CP) 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là bên tiếp nhận bàn giao đối với các khu đô thị trên địa bàn trừ trường hợp bên tiếp nhận bàn giao	2. Tiếp nhận bàn giao quản lý trong khu đô thị đối với các đô thị trên địa bàn trừ trường hợp bên tiếp nhận bàn giao được quy định theo pháp luật chuyên ngành hoặc là đơn vị có thẩm quyền quản lý được giao trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; thống nhất với chủ đầu tư, báo cáo kết quả bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi; tổ	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định phân cấp cho UBND cấp xã Tiếp nhận bàn giao quản lý trong khu đô thị đối với các đô thị trên địa bàn trừ trường hợp bên tiếp nhận bàn giao được quy định

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
được quy định theo pháp luật chuyên ngành hoặc là đơn vị có thẩm quyền quản lý được giao trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư. <u>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, ủy quyền việc tiếp nhận bàn giao quản lý theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.</u> 6. Thực hiện bàn giao quản lý trong khu đô thị và quản lý, sử dụng tài sản sau bàn giao tiếp nhận c) Bên tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm: tiếp nhận bàn giao theo quy định; thống nhất với chủ đầu tư, báo cáo kết quả bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để theo dõi; tổ chức cung cấp dịch vụ đô thị hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp để quản lý sau bàn giao; Điều 18. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý phát triển đô thị (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trách nhiệm bên tiếp nhận bàn giao quy định tại khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.	chức cung cấp dịch vụ đô thị hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp để quản lý sau bàn giao.	theo pháp luật chuyên ngành hoặc là đơn vị có thẩm quyền quản lý được giao trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; thống nhất với chủ đầu tư, báo cáo kết quả bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi; tổ chức cung cấp dịch vụ đô thị hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp để quản lý sau bàn giao theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 11/2023/NĐ-CP.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
	Điều 5. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:	
Quy định tại điểm a khoản 6 Điều 29, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 29. Lựa chọn đơn vị cấp nước (Nghị định số 117/2007/NĐ-CP) 6. Thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân) tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước, có sự tham gia của các địa phương trong vùng cấp nước; Điều 31. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước (Nghị định số 117/2007/NĐ-CP) 1. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn.	1. Ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã.	Nội dung dự thảo tại khoản này quy định phân cấp cho UBND cấp xã ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định về thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp; quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP phân định thẩm quyền UBND cấp xã thực hiện ký thỏa thuận

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
Điều 19. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 31, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.		thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã.
Quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 19. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã theo	2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do xã quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.		
	Điều 6. Nhiệm vụ, thẩm quyền về thoát nước và xử lý nước thải	
Quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; khoản 1 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 10. Chủ sở hữu công trình thoát nước (Nghị định số 80/2014/NĐ-CP) 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước: a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn. Điều 22. Nhiệm vụ, thẩm quyền về thoát nước và xử lý nước thải (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước nằm trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm các công trình: Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.	Nội dung dự thảo tại khoản này phân cấp cho UBND cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước nằm trên địa bàn do mình quản lý. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho UBND cấp huyện, cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước. Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP UBND cấp tỉnh là chủ sở hwx hoặc ủy quyền, phân cấp cho UBND cấp xã.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.		
Quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, cụ thể: Điều 26. Quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận (Nghị định số 80/2014/NĐ-CP) 3. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý thống nhất theo lưu vực. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp, quản lý thống nhất các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; phối hợp với các địa phương liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý thống nhất các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn quản lý xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; phối hợp với các địa phương liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này phân cấp cho UBND cấp xã quản lý các điểm xả nước thải và giám sát chất lượng nước thải, phối hợp với các địa phương có liên quan thực hiện các nội dung này theo các quy định có liên quan. Căn cứ nội dung UBND cấp tỉnh quy định phân cấp cho UBND cấp xã tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
Quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, cụ thể: Điều 11. Chủ đầu tư công trình thoát nước (Nghị định số 80/2014/NĐ-CP) 1. Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý hoặc đơn vị thoát nước được giao là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý.	3. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này phân cấp cho UBND cấp xã là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2014/ND-CP.
Quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, cụ thể: Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Nghị định số 80/2014/NĐ-CP) 2. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý.	4. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý.	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định căn cứ khoản 2 Điều 46 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.
Quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể: Điều 7. Nhiệm vụ, thẩm quyền liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Điều 7. Nhiệm vụ, thẩm quyền chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác	Nội dung dự thảo quyết định tại khoản này quy định việc chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án tại khu vực không yêu cầu lập quy hoạch

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
4. Việc chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.	Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác trên địa bàn do mình quản lý.	thì UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện, theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.
Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; khoản 2 Điều 30 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, cụ thể. Điều 67. Quy định chuyển tiếp, hiệu lực thi hành, quy định chi tiết (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP) 2. Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành. Điều 30. Hiệu lực thi hành (Nghị định số 140/2025/NĐ-CP) 2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau: a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;	Điều 8. Hiệu lực thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2025. 2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.	Quy định nhằm đảm bảo thời gian áp dụng trên địa bàn tỉnh phù hợp với Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.		
	Điều 9. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Quy định trách nhiệm tổ chức triển khai thi hành Quyết định.